TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 06-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Vĩnh;

2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn T, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 11 năm 2022 và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn T kết hôn năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay sau khi kết hôn do bất đồng quan điểm sống trong mọi lĩnh vực, tính cách, lối sống không hợp nhau, anh T không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, chị N đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Đến năm 2020 anh T vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù 03 năm về tội: "Cố ý gây thương tích". Trong thời gian anh T chấp hành án, chị N vẫn thường xuyên thăm nom, động viên anh và chăm lo, vun vén cho gia đình nhưng mỗi lần chị N đến trại giam thăm, anh T lại chửi bới, xúc phạm chị. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị N trình bày vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Văn L, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2005 đã đủ 18 tuổi, không phải nuôi dưỡng và Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 01 tháng 09 năm 2011. Chị N có nguyện vọng nuôi con Đỗ Thị Yến N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh T xác nhận chị N trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Theo anh T vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn. Do anh phải chấp hành án phạt tù 03 năm nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh T không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con. Về con chung: Anh T xác nhận anh T và chị N có 02 con chung như chị N trình bày là đúng. Trường hợp chị N kiên quyết ly hôn, anh T nhận nuôi hai con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là chưa tuân thủ quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn Anh T. Về con chung: Giao cho chị N nuôi dưỡng con Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 01 tháng 09 năm 2011 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi

con nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Đỗ Văn T có nơi cư trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 8 năm 2004 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách, lối sống không phù hợp. Anh T phải chấp hành án phạt tù trong thời gian dài (03 năm) dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Tại các biên bản xác minh tại gia đình và địa phương cũng xác nhận vợ chồng đã mâu thuẫn, kéo dài. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh T đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Chị N đề nghị ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Đỗ Văn L, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2005 đã trưởng thành không phải nuôi dưỡng và Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 01 tháng 09 năm 2011. Chị N nhận nuôi con Đỗ Thị Yến N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Phía anh T có ý kiến: Chị N kiên quyết ly hôn, anh T xin được nhận nuôi con Đỗ Thị Yến N và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu L đã đủ 18 tuổi, không phải nuôi dưỡng, cháu N trên 7 tuổi, có đơn đề nghị ở với chị N. Anh T mới chấp hành xong án phạt tù, hiện chưa có công việc, thu nhập ổn định. Chị N đang trực tiếp nuôi con, có công việc và thu nhập ổn định. Do đó cần giao con Đỗ Thị Yến N cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đỗ Văn T có 02 con chung là Đỗ Văn L, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2004 đã đủ 18 tuổi, không phải nuôi dưỡng và Đỗ Thị Yến N, sinh ngày 01 tháng 09 năm 2011. Giao con Đỗ Thị Yến N cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Đỗ Văn T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001406 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Bị đơn anh Đỗ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Q
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hải